THÌ TƯƠNG LAI ĐƠN

(Future simple tense) *(phiu chơ xim pô then x)*

- **Thì tương lai đơn dùng để nói về 1 kế hoạch, 1 dự định hoặc 1 việc sẽ xảy ra trong tương lai. (Will *(quiu)*: sẽ)**

Từ nhận biết: Khi thấy câu có các <u>trang từ (adverb)</u> sau thì ta chia thì Tương lai đơn: tomorrow (*tu mó râu* - ngày mai), next day (*nétx đây* - ngày kế tiếp), next week (*netx quíc* - tuần sau), next month (*nétx mân* - tháng sau), next year (*nétx dia* - năm sau)…

Câu	Công thức	Ví dụ
Affirmative	**S + will *(quiu)* + V + O**	I will go to Da Lat tomorrow (Tôi sẽ đi ĐL vào ngày mai)
Negative	**S + will not + V + O** **(will not = won't)** *(quon)*	I won't go to Da Lat tomorrow (Tôi sẽ không đi ĐL vào ngày mai)
Question	**Will + S + V + O?**	Will you go to Da Lat tomorrow? (Bạn có đi ĐL vào ngày mai không?) →Yes, I will / No, I won't

BÀI TẬP



<u>Các em bấm vào hình quyển sách để làm bài tập, ghi điểm vào ô vuông và nhớ bấm Save lưu bài:</u>

1/ Câu khẳng định

2/ Câu phủ định

3a/ Câu hỏi 1 3b/ Câu hỏi 2

4a/ Thì TLĐ 1 4b/ Thì TLĐ 2

LIVEWORKSHEETS